



Trong điều kiện nền kinh tế thị trường phát triển ở mỗi quốc gia, tính tất yếu của sự hội nhập trên phạm vi toàn cầu, thương mại điện tử phát triển không biên giới; hoạt động thanh toán cũng ngày càng phát triển đa dạng, phong phú và phức tạp về phương tiện, hình thức, phương thức và hệ thống thanh toán. Sự phát triển đan xen giữa các công cụ, phương thức truyền thống với phương tiện, phương thức, hệ thống thanh toán hiện đại đòi hỏi một nền công nghệ kỹ thuật cao đối với người sử dụng và quản lý.

Thanh toán trong nền kinh tế - xã hội nói chung, qua hệ thống các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nói riêng đã và đang minh chứng vai trò quan trọng không thể thiếu được của nó trong hoạt động kinh tế - xã hội. Qua hệ thống thanh toán hiện đại của nền kinh tế phản ánh một cách nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời nhất các hoạt động kinh tế - xã hội mà được thể hiện bằng các dòng tiền luân chuyển từ các nghiệp vụ phát sinh đến khi kết thúc quyết toán mỗi giao dịch. Sự ách tắc ở bất cứ khâu nào trong quá trình thanh toán sẽ dẫn đến sự trì trệ, ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động, thậm chí có thể dẫn đến mất khả năng thanh toán toàn hệ thống, gây nguy cơ mất ổn định nền kinh tế - xã hội. Hơn nữa, sự mất mát, tổn thất trong thanh toán là rất lớn. Do đó, hoạt động quản lý thanh toán càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết khi mà nền kinh tế - xã hội phát triển không biên giới. Tính đồng bộ, tương thích giữa việc phát triển các phương tiện, hình thức, phương thức thanh toán với quản

* Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Nội

** Trường Đại học Thăng Long

GIẢI PHÁP CHO HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN KHÔNG DỪNG TIỀN MẶT TẠI VIỆT NAM

TS. Hoàng Việt Trung *

TS. Nguyễn Thị Thúy **

lý hệ thống thanh toán phải đảm bảo trong từng khâu, từng nghiệp vụ cụ thể, ở cả quá trình vận hành.

Đánh giá những thành tựu và hạn chế tồn tại của hoạt động và quản lý hoạt động thanh toán trong thời gian qua, nhất là từ khi Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2006: Phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Đề án 291), có thể khái quát như sau:

1. Những thành tựu đạt được

Trong giai đoạn 2006 - 2012, hoạt động TTKDTM đã có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và nền kinh tế; nhận thức của người dân về TTKDTM đã có sự cải thiện đáng kể; những lợi ích thiết thực của TTKDTM dần dần được khẳng định; hành lang pháp lý, mô hình tổ chức, nội dung hoạt động, phương thức và quy trình kỹ thuật TTKDTM ngày càng được hoàn thiện:

Một là, Đề án 291 được xây dựng một cách tổng thể, có hệ thống, có định hướng và tầm nhìn chiến lược lâu dài (định hướng đến năm 2020) trong lĩnh vực TTKDTM tại Việt Nam. Đề án đã thể hiện vai trò dẫn dắt, định hướng cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (TCCUDVTT) và chủ thể khác trong nền kinh tế trong tiến trình phát triển hoạt động thanh toán tại Việt Nam an toàn, hiện đại và hiệu quả.

Hai là, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các Bộ, ngành liên quan đã tập trung xây dựng và triển khai tích cực một số nội dung, đề án khả thi, ngắn hạn, đáp ứng đòi hỏi cấp bách của thực tế, nhất là: Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất; Đề án trả lương qua tài khoản; Đề án hoàn thiện và phát triển hệ thống thanh toán liên ngân hàng...

Ba là, một số chỉ tiêu được đặt ra trong Đề án 291 đã vượt mức ngoài dự kiến, tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán giảm dần qua các năm với tốc độ khá nhanh.

Bốn là, nhiều phương tiện và dịch vụ TTKDTM hiện đại đã được nghiên cứu và cung ứng, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế và của người dân.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phát triển TTKDTM, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã không ngừng nỗ lực để đưa dịch vụ thẻ trở thành một phương tiện thanh toán đến đại đa số khách hàng. Dịch vụ thẻ không những là một công cụ hữu hiệu để trả lương mà còn để thực hiện các dịch vụ gia tăng, là cầu nối giữa khách hàng và dịch vụ ngân hàng, trở thành một công cụ thanh toán tiện ích đối với đa số người dân Việt Nam.

Theo thống kê của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia về số lượng tài khoản đến ngày 30/06/2012 đối với Nhóm 14 ngân hàng lớn nhất



Việt Nam. Số lượng tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân hiện tại là 30.605.024 tài khoản, trong đó số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân là 56.632.553 triệu đồng. Mặt khác, số lượng tài khoản tiền gửi thanh toán của các tổ chức chỉ có 1.003.288 tài khoản nhưng lượng giao dịch qua tài khoản của nhóm này đã lên đến 162.962.140 triệu đồng. Mặc dù số lượng tài khoản thanh toán đăng ký của các cá nhân với ngân hàng không ngừng tăng trong thời gian qua nhưng hiệu quả sử dụng đạt tỷ lệ thấp so với kỳ vọng.

Để triển khai dịch vụ thẻ và hệ thống ATM phục vụ khách hàng, các ngân hàng phải đầu tư các khoản chi phí lớn lên đến hàng chục ngàn tỷ đồng về hạ tầng kỹ thuật, chi phí cho lượng tiền nạp sẵn vào máy ATM, chi phí về nghiệp vụ, nhân sự,... Trong suốt 10 năm qua, với mục tiêu tạo thói quen sử dụng phương tiện thanh toán hiện đại cho người dân, ngoài việc cung cấp dịch vụ cơ bản tại ATM như rút tiền, truy vấn thông tin, các ngân hàng đã không ngừng cập nhật nhiều tiện ích trên sản phẩm thẻ ghi nợ cho khách hàng như chuyển khoản, thanh toán cước phí điện thoại, tiền điện, nước, Internet, thanh toán phí bảo hiểm, tiền mua hàng hoá/dịch vụ, thanh toán trực tuyến... Hội Thẻ ngân hàng Việt Nam cho hay, tại 30/6/2011, cả nước có gần 36 triệu thẻ plát hành và tại cuối năm 2011 dự kiến có khoảng 40 triệu thẻ. Trong số thẻ lưu hành cuối quý II/2012, 94% là thẻ ghi nợ nội địa, hơn 3% là thẻ trả trước và chỉ có gần 3% là thẻ tín dụng. Ngoài ra, các ngân hàng này còn phát hành thẻ ghi nợ và tín dụng quốc tế với số lượng là 2.322.580 thẻ. Máy rút tiền tự động ATM hiện đã được triển khai khắp 63 tỉnh thành trong

cả nước với số lượng tính đến cuối tháng 6/2011, trên 12.800 ATM và 63.400 POS/EDC đã được lắp đặt.

Trong 37.346.990 giao dịch qua ATM của nhóm 14 ngân hàng lớn thì có đến 26.850.331 là giao dịch rút tiền mặt tại ATM. Còn lại các giao dịch là thanh toán chuyển khoản, thương mại điện tử... Điều này cho thấy, hoạt động thanh toán sử dụng tiền mặt của người dân hiện vẫn còn rất cao.

Để phục vụ cho hoạt động TTKDTM, một lượng thiết bị đầu cuối POS/EFTPOS/EDC được lắp đặt tại khắp các trung tâm thương mại, các siêu thị, nhà hàng, thậm chí cả trên taxi... để phục vụ hoạt động này lên đến 88.366 chiếc. Cùng với đó số lượng giao dịch qua POS/EFTPOS/EDC là 1.059.511 lượt trong đó lượng rút tiền mặt qua hệ thống này là 16.147 lượt.

Năm là, kết quả thực hiện một số nội dung, đề án đã tạo được cú hích trong việc thúc đẩy TTKDTM tại nước ta. Thực tế quá trình triển khai Đề án 291 vừa qua đã đúc rút nhiều bài học bổ ích trong quá trình triển khai thực hiện việc đẩy mạnh TTKDTM trong thời gian tới, trong đó đặc biệt là vai trò quyết định của quyết tâm chính trị của Chính phủ và sự phối hợp hiệu quả, chặt chẽ của các Bộ, ngành có liên quan; đồng thời cũng gợi mở những nhân tố mới để có cách làm và hướng đi mới hiệu quả hơn.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Những hạn chế, khó khăn

Một là, TTKDTM tại Việt Nam hiện nay đã bắt đầu phát triển, nhưng chưa tương xứng với cơ sở hạ tầng sẵn có và yêu cầu của thực tiễn; tiền mặt vẫn được sử dụng nhiều, số lượng tiền mặt trong lưu thông tiếp tục tăng lên; phần lớn các giao dịch thanh toán của khu

vực dân cư vẫn bằng tiền mặt. Tại 750 doanh nghiệp Việt Nam ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam thì các doanh nghiệp tư nhân có trên 500 công nhân có khoảng 63% số giao dịch của họ được tiến hành qua hệ thống ngân hàng; những doanh nghiệp có ít hơn 25 công nhân thì tỷ lệ này là 47%; với doanh nghiệp nhà nước mới chỉ hơn 80% giao dịch được thực hiện qua ngân hàng; hầu hết các doanh nghiệp cả nhà nước lẫn tư nhân đều trả lương bằng tiền mặt. Tại các hộ kinh doanh thì 86,2% số hộ kinh doanh vẫn chỉ trả hàng hoá bằng tiền mặt; 75% số hộ kinh doanh chỉ trả dịch vụ bằng tiền mặt; 72% số hộ kinh doanh tư nhân nộp thuế bằng tiền mặt; số người sử dụng dịch vụ ngân hàng chủ yếu là các doanh nghiệp lớn, lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nhân viên công sở có thu nhập cao và ổn định. Từ năm 2001 đến nay, tỷ trọng tiền mặt được sử dụng trong thanh toán so với tổng phương tiện thanh toán năm 2001 là 23,7%; năm 2004 là 20,3%; năm 2005 là 19%; năm 2006 là 17,21%, năm 2007 là 16,36%, năm 2008 là 14,6%; tuy tỷ trọng hàng năm đã giảm nhưng còn ở mức cao hơn so với thế giới; tỷ trọng này ở các nước tiên tiến như Thụy Điển là 0,7%, Na Uy là 1%, còn Trung Quốc - cường quốc số 2 thế giới xét theo GDP - nhưng cũng chỉ ở mức là 10%. Tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán cuối năm 2011 ghi nhận mức 14%, cuối năm 2012 là 13,5%. Số liệu này tuy đã giảm đáng kể so với năm 2004 (với mức là 20,3%) nhưng vẫn còn ở mức cao so với thế giới. So với các nước thì Việt Nam vẫn nằm trong nhóm nước sử dụng nhiều tiền mặt. Quá trình phát triển TTKDTM còn không ít khó khăn.

Hai là, một số khó khăn vướng



mắc trong hoạt động của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) (đây là hệ thống thanh toán quan trọng nhất)

- Hệ thống mới chỉ phục vụ thanh toán đồng nội tệ, chưa đáp ứng được nhu cầu thanh toán ngoại tệ của các TCCƯDVTT (trong khi NHNN chưa có hệ thống thanh toán ngoại tệ);

- Hệ thống mới chính thức triển khai mở rộng cuối năm 2008, chưa có các thử nghiệm thực tế đối với khả năng sẵn sàng thay thế của hệ thống dự phòng. Bên cạnh đó, theo phản ánh của Cục Công nghệ tin học, một số đơn vị thành viên chưa tuân thủ một số quy trình kỹ thuật, nên gây ra lỗi chương trình CITAD;

- Vấn đề kỹ thuật: Còn xảy ra lỗi kết nối đường truyền giữa các đơn vị thành viên với Trung tâm xử lý; tình trạng quá tải tại một số thời điểm trong ngày khi số lượng giao dịch bình quân lớn;

- Chưa có sự thống nhất giữa chương trình TTĐTLNH với chương trình kế toán giao dịch trong việc chỉnh sửa dữ liệu; mẫu lệnh thanh toán chưa hợp lý, chưa cung cấp đủ thông tin cần thiết;

Ba là, tỷ lệ giữa tài sản Có có thể thanh toán ngay và tài sản Nợ phải thanh toán ngay còn hạn chế (khả năng thanh toán còn thấp).

Tỷ lệ giữa tài sản Có có thể thanh toán ngay và tài sản Nợ phải thanh toán ngay của nhiều NHTM Việt Nam thường nhỏ hơn 1, thấp xa so với tỷ lệ này ở các nước trong khu vực và trên thế giới (3 - 6). Khả năng thanh toán bình quân của các tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam chỉ đạt xấp xỉ 60%.

Song, điều đáng bận tâm hơn chính là vấn đề quản lý rủi ro thanh khoản của các NHTM Việt Nam. Quản lý rủi ro thanh khoản là một công việc cần thiết và phức tạp. Trên thực tế, tính chất quan

trọng và sự tác động của khả năng thanh khoản vượt quá phạm vi của mỗi ngân hàng. Sự thiếu hụt của một ngân hàng đơn lẻ có thể có những tác động nghiêm trọng tới toàn bộ hệ thống ngân hàng.

Bốn là, mức độ đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và chất lượng phục vụ khách hàng còn hạn chế.

Một NHTM được coi là tiên tiến khi thu nhập từ các hoạt động dịch vụ ngân hàng chiếm không dưới 30% tổng thu nhập. Doanh thu từ dịch vụ ngân hàng - ngoài tín dụng thì ngân hàng trong nước mới chỉ đạt 6 - 10%, hoạt động tín dụng vẫn là nguồn thu nhập chính của các ngân hàng. Tỷ lệ này của các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam là 40 - 50%.

Năm là, về giác độ tiết kiệm chi phí chưa được quan tâm đúng mức.

Đối mới công nghệ là cần thiết nhưng không phải bất cứ giá nào mà hoạt động tài chính nói chung, ngân hàng nói riêng đòi hỏi phải tiết kiệm chi phí.

Quá trình đi lên hiện đại hoá thanh toán đã trả một giá quá đắt, kết quả không tương xứng với chi phí đã đầu tư (nhất là những năm thập kỷ 90).

Tính từ khi có ứng dụng để hiện đại hoá hệ thống thanh toán ngân hàng đã phải chi phí theo đơn vị hàng trăm triệu USD. Xét hiệu quả đầu tư về chỉ tiêu thì chi phí cho một khoản giao dịch điện tử, chỉ tiêu chi phí cho một đầu người làm việc trong ngân hàng của Việt Nam gấp rất nhiều lần đối với các nước trong khu vực. Nhưng kết quả trên các mặt: Tính hiện đại, tính tiện ích, sự đa dạng của sản phẩm, sự thoả mãn của khách đại quần chúng,... để trở thành một ngân hàng điện tử như các nước trong khu vực là chưa có. Cụ thể, các giao dịch qua ATM, thanh toán thẻ



Các NHTM đã không ngừng nỗ lực để đưa dịch vụ thẻ trở thành một phương tiện thanh toán đến đại đa số khách hàng

tín dụng đều phải trả phí khi mà cơ sở hạ tầng của hệ thống thanh toán này còn quá nhiều bất cập. Gần đây nhất NHNN đã thống nhất việc thu phí dịch vụ bắt đầu từ năm 2013 trên cơ sở đề xuất mức phí từ các ngân hàng. Bên cạnh đó, các đơn vị kinh doanh không muốn là cơ sở chấp nhận thẻ một phần do phải trả phí ngân hàng. Vì thế, một số đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) dù đã ký hợp đồng với ngân hàng nhưng vẫn tìm nhiều cách hạn chế các giao dịch bằng thẻ của khách hàng như để máy cà thẻ vào nơi khuất, ưu tiên khách hàng trả tiền mặt,... Và thực tế các ngân hàng chạy đua hạ mức phí chiết khấu cho các ĐVCNT khiến cho việc phát triển mạng lưới POS không có hiệu quả do các ngân hàng không có nguồn thu bù đắp chi phí đầu tư mua sắm thiết bị, chi phí cho nhân sự để phát triển ĐVCNT.

b) Nguyên nhân

Những nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, tồn tại là:

Một là, hạ tầng cơ sở kỹ thuật của các ngân hàng nói chung phát triển chưa đồng bộ; hạ tầng cơ sở về trang thiết bị giữa các ngân



hàng vẫn còn nhiều khoảng cách, môi trường không tương thích, việc kết nối giữa các ngân hàng gặp trở ngại; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các ngân hàng còn ở mức thấp mặc dù số lượng ATM, POS được lắp đặt tăng đều qua các năm nhưng thực tế là tỷ trọng so với số dân vẫn còn thấp, chưa phân bố đều (chủ yếu tập trung tạo các đô thị lớn, khu công nghiệp).

Việc trang bị công nghệ, kỹ thuật mới còn có tính phổ biến là phân tán theo hệ thống từng NHTM, không theo quy chuẩn chung.

- Độ an toàn về kinh tế và tính ổn định còn thấp, tốc độ xử lý sự cố thực thi trong thanh toán chậm (như các sự cố máy ATM trong thời gian qua).

- Sản phẩm không mang tính trọn gói, xử lý giao dịch qua nhiều cửa, phiên hà mang tính hành chính, chưa tỏ rõ mạnh mẽ quan điểm kinh doanh.

Hai là, đối với sản phẩm thẻ, không có hệ thống kỹ thuật thống nhất, từ cấp quốc gia đến cấp cơ sở, phần mềm, phần cứng giữa các ngân hàng tồn tại nhiều điểm không tương thích. Điều này gây cho mạng lưới chấp nhận thẻ hiện nay bị phân chia, xé lẻ dẫn tới các chủ thẻ không thể thanh toán tức thì được ở mọi lúc, mọi nơi. Hiện tượng trên cùng với tiện ích của thẻ.

Ba là, cơ sở hạ tầng viễn thông còn hạn chế, còn tiềm ẩn nguy cơ về an ninh, bảo mật, chưa theo kịp tốc độ phát triển của người dùng; sự hợp tác giữa các nhà cung cấp dịch vụ với các ngân hàng gặp trở ngại do sự khác biệt về hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu giữa ngân hàng và các công ty cung cấp dịch vụ. Các nhà cung cấp dịch vụ (điện lực, viễn thông, nhiều cơ sở chấp nhận

thẻ như siêu thị lớn, khách sạn, nhà hàng,...) chưa sẵn sàng hợp tác với ngân hàng về thanh toán thẻ.

Bốn là, trình độ của đội ngũ lãnh đạo và nguồn lực lao động còn hạn chế về hiểu biết trong điều hành và thực thi cơ chế thanh toán theo kinh tế thị trường và công nghệ mới, hiện đại.

Năm là, công tác xây dựng chỉnh sửa và ban hành các văn bản pháp lý của ngân hàng chưa theo kịp với những đòi hỏi của ứng dụng và phát triển CNTT. Nhiều cơ chế chính sách và văn bản pháp lý cần thiết cho điều kiện ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực thanh toán chưa được xây dựng. Phần lớn các quy trình xử lý nghiệp vụ ngân hàng được xây dựng trên nền tảng xử lý thủ công hoặc cơ giới hoá, chưa phù hợp với phương thức, tự động hoá nên rất khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ mới, làm chậm lại quá trình hiện đại hóa trong dịch vụ thanh toán.

Các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy TTKDTM chưa thật đồng bộ, chưa khuyến khích các TCCUDVTT đầu tư mạnh và đồng bộ cho cơ sở hạ tầng; sự phối kết hợp giữa những biện pháp hành chính và biện pháp kích thích kinh tế chưa đồng bộ, chưa đủ mạnh để đưa chủ trương thật sự đi vào cuộc sống.

Sáu là, thói quen, tâm lý sử dụng tiền mặt của một bộ phận cơ quan, tổ chức và đại bộ phận cá nhân còn phổ biến; ngoài ra còn một số yếu tố khác gây cản trở, hạn chế sử dụng TTKDTM như: văn minh thương mại, tâm lý ngại tiếp cận với công nghệ mới, ngại công khai hóa thu nhập, doanh thu, sử dụng tiền mặt với những mục đích không minh bạch,... Thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán hiện nay là lực cản lớn trong việc phát triển TTKDTM.

Bảy là, nhiều ngân hàng cổ phần nhỏ bé cả về vốn, cơ sở vật chất nhất là công nghệ, đã tạo cho độ chênh lệch về công nghệ thanh toán khá lớn, nhất là khó khăn cho nối mạng thanh toán.

Ngoài ra còn có một số nguyên nhân khác như:

Hiện tượng phá máy ATM để lấy tiền gia tăng. Bên cạnh đó, tội phạm trong lĩnh vực thanh toán gia tăng chủ yếu liên quan đến gian lận tài khoản thẻ và thẻ giả, thẻ bị mất cắp, thất lạc... Trong đó, gian lận tài khoản thẻ thường xảy ra với các giao dịch không xuất trình thẻ vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể so với gian lận thẻ giả.

3. Phương hướng và giải pháp

Một số mục tiêu trong Đề án TTKDTM từ 2011 - 2015 cũng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2453/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 và Nghị định 101/2012/NĐ-CP về TTKDTM vừa ban hành 22/11/2012 có hiệu lực từ ngày 26/03/2013.

Mục tiêu tổng quát: Đa dạng hóa dịch vụ thanh toán, phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thanh toán điện tử, chú trọng phát triển TTKDTM trong khu vực nông thôn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh toán của nền kinh tế, giảm chi phí xã hội liên quan đến tiền mặt, tạo sự chuyển biến mạnh, rõ rệt về tập quán thanh toán trong xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng và hiệu quả quản lý nhà nước.

Mục tiêu cụ thể:

- Đến cuối năm 2015 tỷ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán ở mức thấp hơn 11%

- Đến cuối năm 2015, tăng mạnh số người dân được tiếp cận các dịch vụ thanh toán, nâng tỷ lệ người dân



có tài khoản tại ngân hàng lên mức 35% - 40% dân số.

- Thực hiện mục tiêu của Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2010.

- Phát triển dịch vụ thanh toán thẻ, trọng tâm là phát triển thanh toán qua điểm chấp nhận thẻ. Đến năm 2015, toàn thị trường có khoảng 250.000 thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt với số lượng giao dịch đạt khoảng 200 triệu giao dịch/năm.

- Áp dụng một số hình thức thanh toán mới, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Để thực hiện các mục tiêu trên đây NHNN và toàn bộ hệ thống các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải có nhiều giải pháp về tổ chức bộ máy thanh toán; về đào tạo và bố trí nguồn nhân lực; về đầu tư công nghệ; về giá cả dịch vụ; về quan điểm kinh doanh... Song, để có thể tạo bước phát triển mạnh trong thanh toán thì việc tổ chức và quản lý hoạt động thanh toán ở nước ta, xin đề xuất các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách:

- Rà soát, bổ sung và sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật NHNN Việt Nam năm 2010 và Luật Các TCTD năm 2010 liên quan đến hoạt động thanh toán

- Ban hành các quy định về trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ thanh toán, các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro.

Thứ hai, nâng cao chất lượng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến phục vụ hoạt động TTKDTM.

- Nâng cao chất lượng, tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới chấp nhận thẻ, tăng cường lắp đặt thiết bị chấp nhận thẻ tại các trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, du lịch.

- Bố trí hợp lý mạng lưới, tăng cường lắp đặt máy rút tiền tự động tại những nơi điều kiện cho phép, phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân.

- Tập trung thực hiện và hoàn thành Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Sớm ban hành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật, dịch vụ để chuẩn hóa dịch vụ, hỗ trợ kết nối với các thiết bị đầu cuối như ATM, POS và các thiết bị thông tin di động qua Trung tâm chuyển mạch. Đồng thời, NHNN cần có vai trò định hướng cho các NHTM trong việc phát triển hệ thống POS, đẩy nhanh tiến độ kết nối hệ thống POS, tránh việc đầu tư dàn trải, không hiệu quả.

Vấn đề an ninh, an toàn tại ATM: Từ cuối tháng 10/2010 xảy ra liên tiếp các vụ tội phạm xâm hại, phá hoại và trộm cắp tại ATM không những gây thiệt hại lớn về tài sản cho các ngân hàng mà còn gây ra cho khách hàng tâm lý nghi ngờ về tính an toàn của hệ thống máy ATM, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và chủ trương của Chính phủ về phát triển TTKDTM ở nước ta. Cần phối hợp tổ chức triển khai trong ngành Công an và ngành Ngân hàng để phối hợp thực hiện tốt các biện pháp ngăn chặn tội phạm nhằm bảo vệ an ninh, an toàn hệ

thống ATM.

- Duy trì hoạt động thông suốt và khai thác tốt công suất của hệ thống TTĐTLNH, mở rộng kết nối với hệ thống thanh toán của Kho bạc Nhà nước; phát triển và nâng cấp các hệ thống thanh toán khác trong nền kinh tế.

Thực hiện tốt hệ thống TTĐTLNH là thực hiện thiết thực việc tập trung quản lý hệ thống TTĐTLNH đi vào hoạt động và từng bước phủ sóng đến khắp các địa bàn toàn quốc đã tạo ra một trục thanh toán quốc gia hiện đại, giúp các TCTD sử dụng hiệu quả vốn khả dụng, tập trung mọi nguồn vốn của mình. Với một mô hình thiết kế đặc thù: "tất cả trong một" - hệ thống TTĐTLNH gồm các module: Thanh toán giá trị cao, Thanh toán giá trị thấp, Thanh toán bù trừ và Quyết toán tổng tức thời. Hệ thống được phủ sóng toàn quốc với Trung tâm xử lý chính (Trung tâm thanh toán quốc gia - NPSC), Trung tâm dự phòng (B-NPSC), 6 Trung tâm khu vực (RPC) và 63 Trung tâm xử lý cấp tỉnh (PPC) đặt tại NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Với công suất thiết kế kết nối với 2.000 đơn vị thành viên, xử lý 2 triệu giao dịch/ngày, hệ thống TTĐTLNH trở thành một trục thanh toán quốc gia hiện đại, sẵn sàng đáp ứng kịp thời nhu cầu chu chuyển vốn của nền kinh tế và là tiền đề quan trọng cho việc phát triển và đẩy mạnh TTKDTM. Để phát huy hiệu quả hạ tầng công nghệ thanh toán hiện đại này, cần sớm khai thác hệ thống này phục vụ trong nghiệp vụ thanh toán quốc tế.

Với việc triển khai thành công Giai đoạn II Tiểu dự án hệ thống TTĐTLNH, NHNN Việt Nam đã đạt được toàn bộ mục tiêu tổng thể của dự án: Quản lý tập trung toàn bộ tài khoản của các TCTD;



kiểm soát, quản lý khả năng thanh khoản của các TCTD; cung cấp thông tin và công cụ cho việc điều hành chính sách tiền tệ.

Để nâng cao chất lượng hệ thống TTĐTLNH - NHNN cần giải quyết những vấn đề sau đây:

a) Cần phải đẩy nhanh tiến độ kết nạp thành viên trực tiếp tham gia hệ thống TTĐTLNH nhằm giảm bớt khâu trung gian qua NHNN. Song song với việc kết nạp thành viên mới thì cũng cần phải có biện pháp giám sát chặt chẽ hơn đối với các thành viên trong việc tuân thủ các quy định, quy trình nghiệp vụ, đảm bảo khả năng thanh khoản;

b) Xem xét thời gian “mở/đóng cổng CI-TAD” tại Trung tâm Thanh toán Quốc gia để nhận giấy báo đến, giấy báo đi của hệ thống (kéo dài thời gian giao dịch trong ngày, đặc biệt là những ngày cao điểm cuối tháng, cuối quý, cuối năm);

c) Hoàn thiện nâng cấp hệ thống TTĐTLNH thành hệ thống có thể thanh toán đa tệ, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh toán ngày càng cao của nền kinh tế. Trong bối cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới thì hoạt động TTĐTLNH có hoạt động giao dịch bằng ngoại tệ là rất cần thiết. Ở Việt Nam, trong khi hệ thống TTĐTLNH của NHNN không có giao dịch ngoại tệ thì hệ thống VCB - Money của NHTMCP Ngoại thương Việt Nam hiện nay còn cho phép thực hiện các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ. Bình quân mỗi ngày, hệ thống VCB - Money của NHTMCP Ngoại thương Việt Nam xử lý khoảng 15.500 giao dịch ngoại tệ với giá trị giao dịch quy đổi khoảng 80.055.000 tỷ đồng (gấp 860 lần giá trị giao dịch bình quân ngày của hệ thống TTĐTLNH). Điểm đáng lưu ý là: nếu NHNN không

sớm hình thành hệ thống giao dịch ngoại tệ thì hệ thống thanh toán song phương của các TCTD sẽ phát triển, vì đó là nhu cầu của hoạt động kinh tế.

Thứ ba, thực hiện việc quản lý tập trung vào đơn vị có chức năng quyền lực, giảm thiểu phân tán quản lý ít tác dụng

Vụ Thanh toán mới được thành lập từ tháng 10 năm 2008, thay cho Ban Thanh toán trước đây. Tuy nhiên, nghiên cứu nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của Vụ Thanh toán cho thấy còn đơn giản, nhất là chức năng nhiệm vụ đối với hoạt động thanh toán chung của quốc gia. Thiết nghĩ, cần thiết phải xây dựng một thiết chế mới về quản lý hoạt động thanh toán tập trung vào Vụ Thanh toán bằng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đủ mạnh để hoạt động quản lý có tác động tích cực đưa hoạt động thanh toán của Việt Nam theo xu hướng của thế giới là thanh toán tập trung, giám sát tập trung và xử lý tập trung. Vì vậy, đối với các hoạt động của Trung tâm Thanh toán quốc gia, Sở giao dịch NHNN và Vụ Tài chính - kế toán chỉ là nơi có trách nhiệm cung cấp số liệu kịp thời, cập nhật cho Vụ Thanh toán để thực hiện vai trò quản lý tốt nhất.

Thứ tư, về lâu dài việc quản lý hoạt động thanh toán nên thành lập Hiệp hội thanh toán và phân cấp quản lý cho Hiệp hội thanh toán.

Khi nói đến quản lý hoạt động thanh toán ở Việt Nam hiện nay thì nên tập trung quản lý, vì từ lâu không rõ nét và chỉ quản lý nghiệp vụ là chủ yếu mà nghiệp vụ chỉ xảy ra ở NHNN tỉnh, thành phố, hay với Vụ Tài chính - Kế toán, hay Sở giao dịch hoặc Trung tâm Công nghệ thông tin, vì vậy tác dụng không lớn, trách nhiệm không

cao. Kinh nghiệm ở các nước kinh tế phát triển là quản lý tập trung nhưng được phân cấp ở các hiệp hội thanh toán (có thể có hiệp hội thanh toán chung và có thể có hiệp hội thanh toán khu vực, địa phương,...). Quản lý theo mô hình này được giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhất là sự hợp tác được chặt chẽ đồng thời nó cũng tạo điều kiện cho việc giúp đỡ tài chính, kỹ thuật của các ngân hàng lớn với ngân hàng kém năng lực tài chính hơn.

Thứ năm, xây dựng Luật Thanh toán - giảm nhẹ vai trò quản lý của NHNN, tăng vai trò kiểm tra của các cơ quan chức năng.

Kinh tế phát triển, lượng giao lưu hàng hóa tăng lên vô cùng lớn và đa dạng hình thức thanh toán, sự đòi hỏi kết quả thanh toán phải nhanh chóng, kịp thời, độ chuẩn xác cao,... đòi hỏi hoạt động quản lý phải đáp ứng được những yêu cầu mới đó. Vì vậy, đã đến lúc Việt Nam cần có Luật Thanh toán. Khi đã có Luật rồi thì việc phát triển thanh toán sẽ nhanh chóng hơn, đa dạng hơn, người cung ứng dịch vụ thanh toán cũng phát triển hơn như thanh toán bưu điện, sự tham gia của các cơ quan vô tuyến viễn thông,... Đồng thời, việc quản lý sẽ có mặt của các cơ quan chức năng bảo vệ pháp luật, vai trò tự quản lý của Hiệp hội thanh toán và các thành viên cũng được nâng lên. Vai trò quản lý của NHNN trở thành người tham gia góp ý kiến, người tổ chức thanh toán là chủ yếu như ở một số nước phương tây chỉ tồn tại và phát triển của Luật Séc và Luật Thương phiếu đã làm cho hoạt động thanh toán có hiệu lực và ổn định.

Trong xu thế toàn cầu hóa và quá trình hội nhập, những giải pháp trên đây hy vọng sẽ đóng góp nhất định cho hoạt động TTKDTM ở nước ta có bước tiến mới. ■